

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN CH

TỈNH GI

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 27/6/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh p

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH - TỈNH GI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức R.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Kim H.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn S- Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh P- Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 17/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 đối với bị cáo: Lê Văn H; sinh năm 1995; Nơi sinh: tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 5, xã Đăk Cầm, thành phố Kon T, tỉnh Kon T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới t: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Lê D; sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Giới; sinh năm 1964; Gia đình có 02 anh em, anh lớn sinh năm 1993; có vợ: Phạm Thị Hồng Đào (đã chết); Có 01 con: Lê Q Anh, sinh năm 2016.

Hiện bị cáo đang sống chung như vợ chồng với chị Y Pm, sinh năm 1997; ở Thôn 5, xã Đăk Cầm, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2024; Hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà V Thị D, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 05, xã Nghĩa Hòa, huyện Ch, tỉnh Gi (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Y Pm, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 5, xã Đăk Cầm, thành phố Kon T, tỉnh Kon T (vắng mặt).

+ Anh: A Denh, sinh năm 1986; Địa chỉ: Làng KonKơLây KơTu 1, xã Đăk Blà, thành phố Kon T, tỉnh Kon T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 12/02/2024, Lê Văn H điều khiển xe mô tô BKS 82K8 - 8910 mượn của chị Y Pm, sinh năm 1997, trú tại thôn 5, xã Đăk Cấm, thành phố Kon T, tỉnh Kon T (H đang sống chung như vợ chồng với chị Y Pm) đi từ nhà chị Y Pm đến xã Nghĩa Hòa, huyện Ch, tỉnh Gi để bắt chim. Khi đi ngang qua nhà bà V Thị D (sinh năm 1965, trú tại thôn 5, xã Nghĩa Hòa, huyện Ch) H phát hiện nhà không đóng cửa và không có người trông coi, nên H đã đi vào nhà rồi vào phòng ngủ lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A14 màu tím để trên giường và 600.000 đồng tiền mặt để trong ví da màu trắng. Sau đó H đi ra ngoài điều khiển xe đi về nơi H đang sinh sống tại thôn 5, xã Đăk Cấm, thành phố Kon T. Đến tối cùng ngày, H bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh A Denh (sinh năm 1986, trú tại làng KonKơLây KơTu 1, xã Đăk Blà, thành phố Kon T) với giá 2.050.000 đồng (H nói điện thoại là của H nên anh A Denh đồng ý mua). Số tiền bán điện thoại cùng với tiền trộm cắp được, H đang giữ trong người chưa sử dụng.

Đối với bà V Thị D, sau khi phát hiện bị mất tài sản bà đã tìm kiếm nhưng không thấy. Đến ngày 18/02/2024 bà D làm đơn trình báo gửi đến Công an xã Nghĩa Hòa, huyện Ch yêu cầu giải quyết vụ việc. Sau đó Công an xã Nghĩa Hòa đã chuyển nguồn tin trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 19/02/2024, Lê Văn H đến Công an xã Nghĩa Hòa, huyện Ch tự thú khai nhận hành vi của mình và giao nộp 01 chiếc xe mô tô BKS 82K8 - 8910, 01 chiếc điện thoại hiệu Redmi màu xanh và số tiền 2.840.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giữ chiếc điện thoại Samsung A14 màu tím mà H đã trộm cắp và bán cho anh A Denh.

Tại bản kết luận định giá số 07/KL-ĐGTS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ch kết luận: Điện thoại Samsung Galaxy A14 5G màu tím thời điểm tháng 02/2024 có giá trị là 2.800.000 đồng.

Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 82K8 - 8910 là tài sản hợp pháp của chị Y Pm. Khi H sử dụng chiếc xe đi thực hiện hành vi trộm cắp chị Y Pm không biết. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Y Pm; Trả lại chiếc điện thoại hiệu Redmi màu xanh và số tiền 2.240.000 đồng cho bị can; Trả lại chiếc điện thoại Samsung A14 màu tím cùng số tiền 600.000 đồng cho bà D. Về dân sự: Bà D đã nhận lại điện thoại và tiền, nên không có yêu cầu gì thêm. Quá trình điều tra bị can đã tác động chị Y Pm bồi thường cho anh A Denh số tiền 2.050.000 đồng, nên anh A Denh không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 17/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Gi đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm điểm r, b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo H mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội; tại phiên tòa, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có đủ cơ sở khẳng định; Vào khoảng 10 giờ ngày 12/02/2024, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A14 màu tím có giá trị là 2.800.000 đồng và 600.000 đồng tiền mặt của bà V Thị D ở thôn 5, xã Nghĩa Hòa, huyện Ch. Tổng số tiền và tài sản mà bị cáo trộm cắp được có giá trị là 3.400.000 đồng. Ngày 19/02/2024, bị cáo đến Công an xã Nghĩa Hòa, huyện Ch tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá số 07/KL-ĐGTS ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ch kết luận: Điện thoại Samsung Galaxy A14 5G màu tím thời điểm tháng 02/2024 có giá trị là 2.800.000 đồng.

Lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[2] Từ những cơ sở, chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong việc bảo quản tài sản hợp pháp của người dân; với bản chất lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhàn không bỏ sức lao động chân chính; Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để học tập cải tạo giáo dục thành người có ích cho gia đình và xã hội. Như cũng xem xét; phạm tội lần đầu và tội trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú khai nhận hành vi trộm cắp, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình để bồi thường, tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại; nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Việc tuân theo pháp luật, trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án Cơ quan Khởi tố - Truy tố đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, mức án đề nghị, thỏa thuận bồi thường và án phí phải chịu; Hội đồng xét xử xét nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có cơ sở.

[6] Về vật chứng: Bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 chiếc xe mô tô BKS 82K8 - 8910; 01 chiếc điện thoại hiệu Redmi màu xanh; 01 chiếc điện thoại Samsung A14 màu tím và số tiền 2.840.000 đồng; Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định những tài sản trên chủ sở hữu hợp pháp nên đã trả lại: Chiếc xe mô tô BKS 82K8-8910 cho chị Y Pm; Trả lại 600.000 đồng và chiếc điện thoại Samsung A14 màu tím cho bà D; Trả lại 2.240.000 đồng và chiếc điện thoại Redmi màu xanh cho bị cáo H. Toàn bộ vật chứng trên, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không có ý kiến gì; nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

[7] Về dân sự: bà D, anh A D, chị Y Pm cũng như bị cáo đã nhận lại tài sản đều không có yêu cầu gì thêm; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm r, b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn H 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù từ ngày 19/02/2024;

tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Buộc: Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2024) bị cáo có quyền kháng cáo bản án; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gi xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

tỉnh;

- VKS.H Ch;
- Công an H. Ch;
- Chi cục THA H. Ch;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

- TAND **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Bùi Đức R